

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính
được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công,
tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết
của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày /3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định 315/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của Ủy tỉnh công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công, tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 15/TTr-SCT ngày 10/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Chuẩn hóa Quy trình giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại trung tâm Phục vụ hành chính công, tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý giải quyết của ngành Công Thương trên địa tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành chuyên môn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LDVP, các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT
TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KQ TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG,
TẠI UBND HUYỆN, UBND CẤP XÃ THUỘC THẨM QUYỀN
QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA**

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Số TT	Mã số TTHC	Tên chuẩn hóa quy trình	Mức DVC
I	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ		
1	2.001434. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4
2	2.001433. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4
3	1.003401. 000.00.00.H10	Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	4
4	2.000229. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4
5	2.000210. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4
II	Lĩnh vực hóa chất		
6	2.001547. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	4
7	2.001175 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	4
8	2.001172. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	4
9	1.002758. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	4
10	2.001161. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	4
11	2.000652. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực	4

		công nghiệp.	
III. Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ			
12	1.001158. 000.00.00.H10	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	4
IV. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương			
13	2.000331. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	4
V. Lĩnh vực Khoa học công nghệ			
14	2.000046 .000.00.00.H10	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hoá nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	4
VI. Lĩnh vực Điện, năng lượng			
15	2.001561. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép hoạt động Tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền của địa phương	4
16	2.001632 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động Tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền của địa phương	4
17	2.001617 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương	4
18	2.001549. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương.	4
19	2.001535. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương.	4
20	2.001266. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương.	4
21	2.001249. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương.	4
22	2.001724. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương.	4
VII. Lĩnh vực An toàn Điện			
23	2.000621. 000.00.00.H10	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	4
24	2.000643. 000.00.00.H10	Cấp lại thẻ an toàn điện	4
25	2.000638. 000.00.00.H10	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	4
26	2.000543. 000.00.00.H10	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	4
27	2.000526. 000.00.00.H10	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ	4
VIII. Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện			

28	2.001640. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).	4
29	2.001607. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).	4
30	2.001587. 000.00.00.H10	Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).	4
31	2.001322. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	4
32	2.001292. 000.00.00.H10	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	4
33	2.001313. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	4
34	2.001300. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	4
35	2.001384. 000.00.00.H10	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	4
IX. Lĩnh vực An toàn thực phẩm			
36	2.000591. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	4
37	2.000535. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	4
X. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước			
38	2.001646. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	4
39	2.001636. 000.00.00.H10.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	4
40	2.001630. 000.00.00.H10.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	4

41	1.010696. 000.00.00.H10	Cấp giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	4
42	2.000674. 000.00.00.H10	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	4
43	2.000666. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	4
44	2.000664. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	4
45	2.000673. 000.00.00.H10	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	4
46	2.000669. 000.00.00.H10	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	4
47	2.000672 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	4
48	2.000648.000.00 .00.H10	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	4
49	2.000645. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	4
50	2.000647. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	4
51	2.000190. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	4
52	2.000176. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	4
53	2.000167. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	4
54	2.000626. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	4
55	2.000622.000.00 .00.H10	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	4
56	2.000204. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	4
57	2.001624. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	4
58	2.000636. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	4
59	2.001619. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	4
60	1.001005. 000.00.00.H10	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4

61	2.000459. 000.00.00.H10	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4
XI. Lĩnh vực kinh doanh Khí			
62	2.000073. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	4
63	2.000207. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	4
64	2.000201. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	4
65	2.000194. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	4
66	2.000187. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	4
67	2.000175. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	4
68	2.000196.000.00. .00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	4
69	1.000425. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	4
70	2.000180. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	4
71	2.000387. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	4
72	2.000376. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	4
73	2.000371. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	4
74	2.000163.000.00. .00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	4
75	1.000444.000.00. .00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	4
76	2.000211.000.00. .00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	4
77	2.000142. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	4
78	2.000136. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	4
79	2.000078. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	4
80	2.000166. 000.00.00.H10	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	4

81	2.000156. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	4
82	2.000390. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	4
83	2.000354.000.00 .00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	4
84	2.000279. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	4
85	1.000481. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	4
XII. Lĩnh vực Dầu khí			
86	2.000453. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³	4
87	2.000433. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	4
88	2.000427. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	4
XIII. Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh			
89	2.000309. 000.00.00.H10	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	4
90	2.000631. 000.00.00.H10	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	4
91	2.000619. 000.00.00.H10	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	4
92	2.000609. 000.00.00.H10	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	4
93	2.000191. 000.00.00.H10	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	4
XIV. Lĩnh vực Thương mại quốc tế			
94	2.000063. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	4
95	2.000450. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	4
96	2.000347. 000.00.00.H10	Cấp Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	4
97	2.000314. 000.00.00.H10	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	4
98	2.000327.	Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương	4

	000.00.00.H10	nhân nước ngoài tại Việt Nam.	
99	2.000255. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	4
100	2.000370. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	4
101	2.000362. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	4
102	2.000351. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	4
103	2.000340. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4
104	2.000330. 000.00.00.H10	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4
105	2.000272. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	4
106	2.000361. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	4
107	1.000774. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	4
108	2.000339. 000.00.00.H10	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	4
109	2.000334. 000.00.00.H10	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	4
110	2.000322. 000.00.00.H10	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	4
111	2.002166. 000.00.00.H10	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	4
112	2.000665. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	4
113	1.001441.	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	4

	000.00.00.H10		
114	2.000662. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	4
XV. Lĩnh vực Dịch vụ thương mại			
115	1.005190. 000.00.00.H10	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	4
116	2.000110. 000.00.00.H10	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	4
XVI. Lĩnh vực Xúc tiến thương mại			
117	2.000004. 000.00.00.H10	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	4
118	2.000002. 000.00.00.H10	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	4
119	2.000131. 000.00.00.H10	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	4
120	2.000001. 000.00.00.H10	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	4
121	2.000033. 000.00.00.H10	Thông báo hoạt động khuyến mại	4
122	2.001474. 000.00.00.H10	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	4
XVII. Lĩnh vực Xây dựng cơ bản			
123	1.006930. 000.00.00.H10	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở Công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp	4
124	1.006938. 000.00.00.H10	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp	4
125	1.006940. 000.00.00.H10	Thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình Công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp	4

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức DVC
I. Lĩnh vực Kinh doanh khí			
1	2.001283 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	3

2	2.001270. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	3
3	2.001261. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	3
II. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước			
4	2.000633. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	3
5	2000629. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	3
6	1.001279. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	3
7	2.000620. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	3
8	2.001240. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	3
9	2.000615. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	3
10	2.000181. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	3
11	2.000162. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	3
12	2.000150. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	3
III. Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện cấp huyện			
13	2.000599. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	3
14	1.000473. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	3
IV. Lĩnh vực Xây dựng cơ bản			
15	1.007254 000.00.00.H10	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP	3
V. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương			
16	2.002096. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	3

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức DVC
I. Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện cấp xã			
1	2.000206.000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2
2	2.000184.000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2

Phần II

Quy trình giải quyết thủ tục hành chính chuẩn hóa được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	BỘ PHẬN CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ	THỜI GIAN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ	CƠ QUAN PHỐI HỢP (nếu có)	TRÌNH CÁC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CAO HƠN (nếu có)	MÔ TẢ QUY TRÌNH	PHÍ / LỆ PHÍ
A. CHUẨN HÓA QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH								
I. Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ								
1. Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Mã số TTHC: 2.001434.000.00.00.H10.DVC (Mức: 4)								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng	- Trường hợp phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 4000.000 đồng/giấy phép - Trường hợp phục vụ tìm
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công	0,5 ngày				

			ngiệp				Quản lý Công nghiệp chuyên trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả KQ cho tổ chức doanh nghiệp	kiểm thăm dò 3500.000 đồng/giấy phép
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận TKQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
	Tổng thời gian giải quyết			03 ngày				
2. Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Mã số TTHC: 2.001433.000.00.00.H10.DVC: (Mức 4)								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	Không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyên KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	- Trường hợp phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 2.000.000 đồng/giấy phép - Trường hợp phục vụ tìm kiếm thăm dò khai thác trên đất liền: 1.750.000 đồng/giấy phép
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
	Tổng thời gian giải quyết			03 ngày				
3. Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Mã số TTHC: 1.003401.000.00.00.H10.DVC : (Mức 4)								

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				

4. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp. Mã số TTHC: 2.000229.000.00.00.H10 .DVC: Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	12 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó	01 ngày				

	5		Giám đốc				Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				15 ngày			

5. Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp. Mã số TTHC: 2.000210.000.00.00.H10.DVC: Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				02 ngày				

II. Lĩnh vực Hóa chất

6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. Mã số TTHC: 2.001547.000.00.00.H10. DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	1.200.000 đồng/giấy
---	--------	-----------------	---------------------------------	----------	-------	-------	--	---------------------

2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp				sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	chứng nhận.
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	4 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				07 ngày				

7. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. Mã số TTHC: 2.001175.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ	600.000 đồng/giấy chứng nhận	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp						0,5 ngày
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp						0,5 ngày

5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày			phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày			

8. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp .Mã số TTHC: 2.001172.000.00.00.H10 .DVC: Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	600.000 đồng/giấy chứng nhận
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP)Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	4 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP)Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				07 ngày				

9. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp .Mã số TTHC: 1.002758.000.00.00.H10 .DVC: Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	1.200.000 đồng/giấy
---	--------	-----------------	---------------------------------	----------	-------	-------	--	---------------------

2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp				sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc PGĐ Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	chứng nhận
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	4 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				07 ngày				

10. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp .Mã số TTHC: 2.001161.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ	600.000 đồng/giấy chứng nhận
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày			phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
11. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp .Mã số TTTC:2.000652.000.00.00.H10 .DVC: Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	600.000 đồng/giấy chứng nhận
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	4 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				07 ngày				
III. Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ .								
12. Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa .Mã số TTTC:1.001158.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	có	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công					

			ngiệp						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ, mời các ngành kiểm tra	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	15 ngày					hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở thông báo KQ xác nhận ưu đãi	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	03 ngày					
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày					
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày					
Tổng thời gian giải quyết				20 ngày					

IV. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương.

13. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh. Mã số TTHC:2.000331.000.00.00.H10.DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	có	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ, mời các ngành kiểm tra	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp					

4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở thông báo KQ xác nhận ưu đãi	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	03 ngày	PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày	
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày	
Tổng thời gian giải quyết				20ngày	

V. Lĩnh vực khoa học công nghệ.

14. Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Mã số TTHC: 2.000046.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	1 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	0.5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				

		Tổng thời gian giải quyết		03 ngày				
VI. Lĩnh vực Điện, Năng lượng.								
15. Cấp Giấy phép Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 KV, đăng ký kinh doanh tại địa phương. Mã số TTHC: 2.001561.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyên đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyên đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.	800.000 đồng/giấy phép. Nếu cấp giấy phép 2 lĩnh vực (tư vấn thiết kế và tư vấn giám sát) thì mức thu phí thẩm định là: 1.120.000 đồng
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	5 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	1 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				08 ngày				
16. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động Tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền của địa phương. Mã số TTHC: 2.001632.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công	400.000

2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			<p>tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.</p>	<p>đồng/giấy phép. Nếu cấp giấy phép 2 lĩnh vực (Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện) thì mức thu phí thẩm định là: 560.000 đồng</p>
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	2 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở	1 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				5 ngày				

17. Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương. Mã số TTHC: 2.001617.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	<p>Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ,</p>	<p>2.100.000 đồng/giấy phép</p>
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	5 ngày				

4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	1 ngày			
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				8 ngày			

**18. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương
Mã số TTHC: 2.001549.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4**

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND	1.050.000 đồng/ giấy phép
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	2 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	1 ngày				

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.
Tổng thời gian giải quyết				5 ngày			
19. Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương. Mã số TTHC: 2.001535.000.00.00.H10.DVC: Mức 4							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng QLNL tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLNL thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng QLNL chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	5 ngày			
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	1 ngày			
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				8 ngày			700.000 đồng/giấy phép
20. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương. Mã số TTHC: 2.001266.							

000.00.00.H10 .DVC: Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.	350.000 đồng/ giấy phép
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	2 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	1 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				5 ngày				
21. Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương. Mã số THC:2.001249.000.00.00.H10. DVC: Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham	800.000 đồng/ giấy phép
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				

3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	5 ngày			<p>mu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyên hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.</p>
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	1 ngày			
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				8 ngày			

22. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương. Mã số TTHC: 2.001724.000.00.00.H10 .DVC: Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	<p>Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức</p>	400.000 đồng/ giấy phép
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	2 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				

5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	1 ngày			phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				5 ngày			

VII. Lĩnh vực an toàn Điện

23. Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện. Mã số TTHC: 2.000621.000.00.00.H10.DVC: Mức 4.

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	3 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	1 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				6 ngày				

24. Cấp lại thẻ an toàn điện. Mã số TTHC: 2.000643.000.00.00.H10.DVC : Mức 4.

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	1 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	1 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				4 ngày				

25. Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện. Mã số TTHC: 2.000638.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4.

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	2 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	1 ngày				

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	
Tổng thời gian giải quyết				5 ngày				
26. Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương. Mã số TTHC: 2.000543.000.00.00.H10.DVC: Mức 4.								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	1 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	1 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				4 ngày				
27. Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ. Mã số TTHC: 2.000526.000.00.00.H10.DVC: Mức 4.								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				

3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	0,5 ngày			
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				3 ngày			

VIII. Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện .Mã số TTHC: .DVC : Mức 4

28. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh .Mã số TTHC: 2.001640.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4 (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).

Đối với các hoạt động: (i) Xây dựng công trình mới; (ii) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; (iii) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (iv) Xây dựng công trình ngầm.

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	9 ngày			
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	1 ngày			
6	Bước 6	Trình UBND	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày			

Không

		tỉnh ký duyệt							chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyên trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày					
	Tổng thời gian giải quyết			17 ngày					
Đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy điện.									
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	UBND tỉnh			Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyên hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyên trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	11 ngày					
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày					
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	02 ngày					
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	06 ngày					
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày					
	Tổng thời gian giải quyết			21 ngày					
Đối với hoạt động trồng cây lâu năm.									

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	02 ngày			
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày			
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày			
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				7 ngày			
Đối với hoạt động: (i) Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; (ii) Nuôi trồng thủy sản; (iii) Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác.							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	04 ngày			

4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyên hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.			
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày						
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày						
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày						
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày						
Đối với hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ. Thời gian giải quyết 05 ngày làm việc										
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				không	UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyên hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	01 ngày						
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày						
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày						
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày						

7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.
Tổng thời gian giải quyết				5 ngày			

29. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh .Mã số TTHC: 2.001607.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4 (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,25 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,25 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,25 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	0,5 ngày				
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày				
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,25 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				

30. Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh .Mã số TTHC: 2.001587.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4 (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)

Đối với các hoạt động: (i) Xây dựng công trình mới; (ii) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; (iii) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (iv) Xây dựng công trình ngầm.

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	03 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày				
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				

Đối với hoạt động trồng cây lâu năm.

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,25 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				

4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày			
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày			
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,25 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				04 ngày			

Đối với hoạt động: (i) Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; (ii) Nuôi trồng thủy sản; (iii) Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác.

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	02 ngày			
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày			
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày			

7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày			thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.	
Tổng thời gian giải quyết				07 ngày				

31. Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh .Mã số TTHC: 2.001322.000.00.00.H10 .DVC: Mức 4.

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	14 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày				
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				21 ngày				

32. Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã số TTHC: 2.001292.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4.

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày		UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không
---	--------	-----------------	---------------------------------	----------	--	-----------	--	-------

2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày	không		sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyên hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.	
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	14 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày				
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				21 ngày				
33. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã số TTHC:2.001313.000.00.00.H10.DVC : Mức 4.								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	08 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				

5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày			bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyên hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.		
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày					
7	Bước 7	Chuyên KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày					
Tổng thời gian giải quyết				14 ngày					
34. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã số TTHC: 2.001300.000.00.00.H10.DVC : Mức 4.									
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyên hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ	Không	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	08 ngày					
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày					
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày					
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày					
7	Bước 7	Chuyên KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày					

	Tổng thời gian giải quyết			14 ngày			chức, doanh nghiệp.	
35. Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện. Mã số TTHC: 2.001384.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4.								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng thẩm định chuyên hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh và chuyển đến phòng chuyên môn thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt. Sau khi văn thư Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	10 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Trình UBND tỉnh ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày				
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày				
	Tổng thời gian giải quyết			17 ngày				
IX. An toàn thực phẩm .								
36. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện. Mã số TTHC: 2.000591.000.00.00.H10.DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)		không		Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương	1.000.000 đồng/lần/

2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc Phó Trưởng phòng) Quản lý thương mại (<i> hồ sơ cơ sở kinh doanh thực phẩm</i>)	0,5 ngày	không	tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết. Trưởng phòng hoặc PTP QLTM và QLCN sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM và phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM và Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM và công chức Quản lý Công nghiệp chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh); - 2.500.000 đồng/lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất); - 2.500.000 đồng/lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh).
			Trưởng phòng (hoặc Phó Trưởng phòng) Quản lý Công nghiệp (<i> hồ sơ cơ sở sản xuất thực phẩm</i>)				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Thương mại (<i> hồ sơ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm</i>)	07 ngày			
			Công chức phòng Quản lý Thương mại (<i> hồ sơ cơ sở sản xuất thực phẩm</i>)				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc Phó Trưởng phòng) Quản lý thương mại (<i> hồ sơ cơ sở kinh doanh thực phẩm</i>)	01 ngày			
			Trưởng phòng (hoặc Phó Trưởng phòng) Quản lý Công Nghiệp (<i> hồ sơ cơ sở sản xuất thực phẩm</i>)				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày			

6	Bước 6	Chuyển kết quả đến bộ phận trả kết quả	Công chức phòng Quản lý thương mại (hồ sơ cơ sở kinh doanh thực phẩm)	0,5 ngày			
			Công chức phòng Quản lý Công nghiệp(hồ sơ cơ sở sản xuất thực phẩm)				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày			
37, Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện .Mã số TTHC: 2.000535.000.00.00.H10.DVC : Mức 4							
<i>Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i>							Không
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết. Trưởng phòng hoặc PTP QLTM và QLCN sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM và phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM và Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM và công chức Quản lý Công nghiệp
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại (hồ sơ cơ sở kinh doanh thực phẩm)				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại (hồ sơ cơ sở kinh doanh thực phẩm)				

			Công chức phòng Quản lý Công nghiệp (<i>hồ sơ cơ sở sản xuất thực phẩm</i>)				chuyên trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại (<i>hồ sơ cơ sở kinh doanh thực phẩm</i>)	0,5 ngày				
			Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp (<i>hồ sơ cơ sở sản xuất thực phẩm</i>)					
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở					
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại (<i>hồ sơ cơ sở kinh doanh thực phẩm</i>)	0,5 ngày				
			Công chức phòng Quản lý Công nghiệp (<i>hồ sơ cơ sở sản xuất thực phẩm</i>)					
Tổng thời gian giải quyết				02 ngày				
<i>Cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</i>								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công	

2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại(<i>hồ sơ cơ sở kinh doanh thực phẩm</i>)						
			Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp(<i>hồ sơ cơ sở sản xuất thực phẩm</i>)						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại (<i>hồ sơ cơ sở kinh doanh thực phẩm</i>)	7 ngày					
			Công chức phòng Quản lý Công nghiệp (<i>hồ sơ cơ sở sản xuất thực phẩm</i>)						
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại (<i>hồ sơ cơ sở kinh doanh thực phẩm</i>)	01 ngày					
			Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp (<i>hồ sơ cơ sở sản xuất thực phẩm</i>)						
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày					

tính sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết. Trưởng phòng hoặc PTP QLTM và QLCN sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM và phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM và Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM và công chức Quản lý Công nghiệp chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp

6	Bước 6	Chuyên KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại (<i>hồ sơ cơ sở kinh doanh thực phẩm</i>)	0,5 ngày			
			Công chức phòng Quản lý Công nghiệp (<i> hồ sơ cơ sở sản xuất thực phẩm</i>)				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày			

X. Lưu thông hàng hóa trong nước .**38. Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp Mã số TTHC: 2.001646.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4 (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).**

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	2.200.000 đồng/doanh nghiệp
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định, thành lập đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	7 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				

		Tổng thời gian giải quyết		10 ngày					
39. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (dưới 3 triệu lít/năm) Mã số TTHC: 2.001636.000.00.00.H10. DVC: Mức 4.									
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	2.200.000 đồng/ doanh nghiệp	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	03 ngày					
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày					
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	0,5 ngày					
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày					
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày					
40. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (dưới 3 triệu lít/năm) Mã số TTHC: 2.001630.000.00.00.H10. DVC: Mức 4.									
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLCN tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLCN trình Trưởng	2.200.000 đồng/ doanh nghiệp	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	03 ngày					

4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày			phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLCN chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
41. Cấp giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ. Mã 1.010696.000.00.00.H10								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				04 ngày				
42. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương .Mã số TTHC: 2.000674.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước	Tiếp nhận	Bộ phận tiếp nhận	0,5	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương	- Tại các

	1	hồ sơ	tại (TTPVHCC)	ngày			tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng; - Tại các huyện: 600.000 đồng;
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	7 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				
43. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương .Mã số TTHC: 2.000666.000.00.00.H10.DVC: Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
44. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương .Mã số TTHC: 2.000664.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	2 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
45. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu .Mã số TTHC: 2.000673.000.00.00.H10.DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả	- Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng; - Tại các huyện: 600.000 đồng;
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	07 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày				

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày			KQ của TTPVHCC tính để trả KQ cho doanh nghiệp	
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				
46. Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu. Mã số TTHC: 2.000669.000.00.00.H10.DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tính để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
47. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu .Mã số TTHC: 2.000672.000.00.00.H10 DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	02 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				

5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày			văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
48. Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu .Mã số TTHC: 2.000648.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	- Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng; - Tại các huyện: 600.000 đồng;
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	07 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				
49. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu .Mã số TTHC: 2.000645.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình	Không

2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày			Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
50. Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu .Mã số TTHC: 2.000647.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	02 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
51. Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá .Mã số TTHC: 2.000190.000.00.00.H10.DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp	- Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng;
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					

3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	05 ngày			nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	- Tại các huyện: 600.000 đồng;
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				08 ngày				
52. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá .Mã số TTHC: 2.000176.000.00.00.H10.DVC: Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
53. Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. Mã số TTHC: 2.000167. 000.00.00.H10.DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					

3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	02 ngày			nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
54. Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá. Mã số TTHC: 2.000626.000.00.00.H10.DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	- Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng; - Tại các huyện: 600.000 đồng;
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	04 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				07 ngày				
55. Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá. Mã số TTHC: 2.000622.000.00.00.H10.DVC : Mức 4								

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại						02 ngày
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại						01 ngày
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở						01 ngày
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại						0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày					

56. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá .Mã số TTHC: 2.000204.000.00.00.H10.DVC: Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				

57. Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.Mã số TTHC: 2.001624.000.00.00.H10.DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	- Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng; - Tại các huyện: 600.000 đồng;	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại						05 ngày
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại						01 ngày
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở						01 ngày
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại						0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết				08 ngày					

58. Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã số TTHC: 2.000636. 000.00.00.H10.DVC: Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả	Không	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại						02 ngày
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại						01 ngày
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở						01 ngày

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày			KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
59. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương .Mã số TTHC: 2.001619. 000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
60. Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương .Mã số TTHC: 1.001005. 000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh,	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
61. Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.Mã số TTHC: 2.000459. 000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh,	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				

XI. Lĩnh vực kinh doanh Khí (mức độ 4)

62. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai .Mã số TTTC: 2.000073.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	- Thành phố, Thị xã 1.200.000 đ; - Huyện 600.000 đ
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	07 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				

63. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai .Mã số TTTC: 2.000207.000.00.00.H10.DVC: Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	Không	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp						02 ngày
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp						01 ngày
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc						01 ngày
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp						0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày					

64. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai .Mã số TTTC: 2.000201.000.00.00.H10. DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	Không	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp						02 ngày
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công						01 ngày

			ngiệp				Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
65. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn .Mã số TTHC: 2.000194.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	- Thành phố, Thị xã 1.200.000 đ; - Huyện 600.000 đ
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	07 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				
66. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn .Mã số TTHC: 2.000187.000.00.00.H10.DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công					

			ngiệp				hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	02 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
67. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn .Mã số TTHC: 2.000175.000.00.00.H10.DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	02 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày			Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày			

68. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải .Mã số TTHC: 2.000196.000.00.00.H10.DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	- Thành phố, Thị xã 1.200.000 đ; - Huyện 600.000 đ
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	07 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				

69. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải .Mã số TTHC: 1.000425.000.00.00.H10.DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					

3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	02 ngày			chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày			
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày			
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày			
70. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải .Mã số TTHC: 2.000180.000.00.00.H10.DVC : Mức 4							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	02 ngày			
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày			
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày			
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày			Không

71. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải .Mã số TTHC: 2.000387.000.00.00.H10.DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyên KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	- Thành phố, Thị xã 1.200.000 đ; - Huyện 600.000 đ
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	07 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyên KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				

72. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải .Mã số TTHC: 2.000376.000.00.00.H10.DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	02 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó	01 ngày				

	5		Giám đốc				thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
	Tổng thời gian giải quyết			05 ngày				
73. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải .Mã số TTHC: 2.000371.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP)Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	02 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP)Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
	Tổng thời gian giải quyết			05 ngày				
74. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải .Mã số TTHC: 2.000163.000.00.00.H10 .DVC: Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ	- Thành phố, Thị xã 1.200.000 đ;
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP)Quản lý Công nghiệp					

3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	07 ngày			chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	- Huyện 600.000 đ
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				

**75. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải. Mã số TTHC: 1.000444.000.00.00.H10 .DVC :
Mức 4**

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	02 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				

76. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải .Mã số TTHC: 2.000211.000.00.00.H10 DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc Sở hoặc Phó giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC để trả cho tổ chức doanh nghiệp theo yêu cầu đã đăng ký trước đó.	Không	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp						02 ngày
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Công nghiệp						01 ngày
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc						01 ngày
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp						0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày					

**77. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG .Mã số THHC: 2.000142.000.00.00.H10.DVC :
Mức 4**

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM	- Tại các thị xã, TP: + Đối với DN: 1.200.000 đồng; + Đối với Hộ KD: 400.000 đồng - Tại các huyện:	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại						
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại						05 ngày
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại						01 ngày
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở						01 ngày

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày			chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	+ Đối với DN: 600.000 đồng; + Đối với HKD: 200.000 đồng
Tổng thời gian giải quyết				08 ngày				

**78. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG .Mã số TTHC: 2.000136.000.00.00.H10 .DVC :
Mức 4**

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	02 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				04 ngày				

79. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG .Mã số TTHC: 2.000078.000.00.00.H10 .DVC: Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá	Không
---	--------	------------------------------	---------------------------------	----------	-------	-------	--	-------

		hồ sơ						nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày					
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày					
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày						
80. Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG .Mã số TTTC: 2.000166.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4									
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	- Tại các thị xã, TP:	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					+ Đối với DN	
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	07 ngày				1.200.000 đồng;	
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				+ Đối với Hộ KD: 400.000 đồng	
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày				- Tại các huyện:	
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				+ Đối với DN: 600.000 đồng;	
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày			+ Đối với Hộ KD: 200.000 đồng			
81. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG .Mã số TTTC: 2.000156.000.00.00.H10 .DVC									

: Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	02 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				04 ngày				
82. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG .Mã số TTHC: 2.000390.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				

**83. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG .Mã số TTHC: 2.000354.000.00.00.H10 .DVC :
Mức 4**

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Tại các thị xã, TP:
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					+ Đối với DN :
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	07 ngày				+ Đối với Hộ KD:
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				400.000 đồng
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày				- Tại các huyện:
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				+ Đối với DN:
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày			+ Đối với Hộ KD:	
								200.000 đồng

**84. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG .Mã số TTHC: 2.000279.000.00.00.H10 .DVC :
Mức 4**

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng hoặc PTP QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	02 ngày				

4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày			thẩm định hồ sơ, Công chức QLTM trình Trưởng phòng hoặc PTP xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				04 ngày				
85. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG .Mã số TTHC: 1.000481.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
XII. Lĩnh vực Dầu khí .								
86. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210 m³ đến dưới 5.000 m³ Mã số TTHC: 2.000453.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	có	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, lãnh đạo phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển	Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					

3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	17 ngày			đến Công chức của phòng QLTM để tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định trình Trưởng phòng xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt trình UBND tỉnh. Sau khi UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định, Công chức phòng QLTM tham mưu Trưởng phòng họp Hội đồng thẩm định, Sau khi họp Hội đồng thẩm định, Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Công Thương trình UBND tỉnh phê duyệt. Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	03 ngày				
5	Bước 5	Xem xét	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày				
6	Bước 6	Phê duyệt	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch tỉnh	07 ngày				
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				30 ngày				

87. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m³. Mã số TTHC: 2.000433.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	có	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, lãnh đạo phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức của phòng QLTM để tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định trình Trưởng phòng xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt trình UBND tỉnh. Sau khi UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm	Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	17 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	03 ngày				
5	Bước 5	Xem xét	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày				

6	Bước 6	Phê duyệt	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch tỉnh	07 ngày			định, Công chức phòng QLTM tham mưu Trưởng phòng họp Hội đồng thẩm định, Sau khi họp Hội đồng thẩm định, Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Công Thương trình UBND tỉnh phê duyệt. Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				30 ngày			

88. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m³. Mã số TTHC. 2.000427.000.00.00.H10. DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	có	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, lãnh đạo phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức của phòng QLTM để tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định trình Trưởng phòng xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt trình UBND tỉnh. Sau khi UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định, Công chức phòng QLTM tham mưu Trưởng phòng họp Hội đồng thẩm định, Sau khi họp Hội đồng thẩm định, Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Công Thương trình UBND tỉnh phê duyệt. Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	17 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	03 ngày				
5	Bước 5	Xem xét	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày				
6	Bước 6	Phê duyệt	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch tỉnh	07 ngày				
7	Bước 7	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				30 ngày				

XIII. Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh

89. Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương .Mã số TTHC: 2.000309.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
90. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương .Mã số TTHC: 2.000631.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
91. Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương .Mã số TTHC: 2.000619.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				

		trả KQ					Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày					
92. Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp .Mã số TTHC: 2.000609.000.00.00.H10 DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày					
93. Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương .Mã số TTHC: 2.000191.000.00.00.H10 . DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	6,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết			08 ngày					
XIV. Thương mại quốc tế								
94. Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam .Mã số TTHC: 2.000063.000.00.00.H10.DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 (ba triệu)

2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại				sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	đồng.
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	02 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
95. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Mã số TTHC: 2.000450.000.00.00.H10 DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển	*Trường hợp cấp lại như chuyển địa điểm đặt trụ sở khác - Mức thu phí: 1.500.000 đồng *Trường hợp cấp lại
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	01 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày			trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	- Mức thu phí: 0 đồng
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
96 .Cấp Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam..Mã số TTHC: 2.000347.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	1.500.000 đồng
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	01 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
97. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam .Mã số TTHC: 2.000314.000.00.00.H10 DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					

3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	01 ngày			chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
98. Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Na .Mã số TTHC: 2.000327.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	1.500.000 đồng.
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	01 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
99. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa. Mã								

số TTHC: 2.000255.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	04 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				07 ngày				
100. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn. Mã số TTHC: 2.000370.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	15 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	02 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày				

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày			phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
Tổng thời gian giải quyết				20 ngày				
101. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí . Mã số TTHC: 2.000362.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	15 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	02 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				20 ngày				
102. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Mã số TTHC: 2.000351.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					

3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	15 ngày			đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	02 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				20 ngày				
103. Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Mã số TTTC: 2.000340.000.00.00.H10.DVC: Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	01 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
104. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài .Mã số TTTC: 2.000330.000.00.00.H10.DVC : Mức 4								

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	15 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	02 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				20 ngày				

105. Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP. Mã số TTHC: 2.000272.000.00.00.H10. DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	08 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	02 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày				

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày			phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
Tổng thời gian giải quyết				13 ngày				
106. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) .Mã số TTHC: 2.000361.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	08 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	02 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				13 ngày				
107. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) .Mã số TTHC: 1.000774.000.00.00.H10 .DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	có	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					

3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	30 ngày			đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	02 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				35 ngày				
108. Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Mã số TTHC: 2.000339.000.00.00.H10 DVC: Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	01 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				

109. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m². Mã số TTHC: 2.000334.000.00.00.H10.DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng xem xét và trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	01 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				

110. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại. Mã số TTHC: 2.000322.000.00.00.H10. DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	09 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	02 ngày				

5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày			văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				14 ngày				

111. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini. Mã số TTHC: 2.002166.000.00.00.H10. DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	có	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	30 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	02 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				35 ngày				

112. Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ . Mã số TTHC: 2.000665.000.00.00.H10. DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					

3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	01 ngày			đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
113. Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Mã số TTHC: 1.001441.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	01 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
114. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động. Mã số TTHC: 2.000662.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	có	có	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	30 ngày			
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	02 ngày			
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	02 ngày			
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày			
Tổng thời gian giải quyết				35 ngày			

XV. Lĩnh vực giám định thương mại

115. Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại. Mã số TTHC: 1.005190.000.00.00.H10. DVC : Mức 4

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	03 ngày			
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày			
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày			
20.000 đồng/hồ sơ							

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày			KQ cho doanh nghiệp	
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
116. Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại .Mã số TTHC: 2.000110.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại TTPVHCC	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng QLTM sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng QLTM tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng QLTM trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng QLTM chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	20.000 đồng/hồ sơ
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý thương mại	03 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý thương mại	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Giám đốc hoặc PGĐ Sở	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
XVI. Lĩnh vực xúc tiến thương mại								
117. Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương .Mã số TTHC: 2.000004.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				

3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày			duyet; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
118. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương .Mã số TTHC: 2.000002.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								Không
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
119. Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam .Mã số TTHC: 2.000131.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
120. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam .Mã số TTHC: 2.000001.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	1,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; xem xét và thẩm định hồ sơ trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở phê duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho doanh nghiệp	Không
2	Bước 2	Phê duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	01 ngày				
3	Bước 3	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				03 ngày				
121. Thông báo hoạt động khuyến mại .Mã số TTHC: 2.000033.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	giờ hành chính	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, viết giấy biên nhận hồ sơ và trả KQ cho tổ chức, cá nhân	Không
2	Bước 2	Viết giấy biên nhận hồ sơ và trả KQ cho tổ chức, cá nhân						
122. Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại .Mã số TTHC: 2.001474.000.00.00.H10. DVC : Mức 4								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	giờ hành chính	không	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, viết giấy biên nhận hồ sơ và trả KQ cho tổ chức, cá nhân	Không
2	Bước 2	Viết giấy biên nhận hồ sơ và trả KQ cho tổ chức, cá nhân						
XVII. Lĩnh vực xây dựng cơ bản.Mã số TTHC:DVC : Mức 4								
123. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở Công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp .Mã số TTHC:DVC : Mức 4								
Đối với dự án nhóm B.								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	có	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định tại

2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Võ Tân (đối với công trình các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đồng Phú, TX Phước Long, Chơn Thành, Bù Đốp); Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng (đối với các công trình các huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Bình Long, Đồng Xoài)	0,5 ngày			sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp	Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng (Cao Tấn Tài, Nguyễn Văn Tuyên, Huỳnh Hùng, Kim Phước Lộc)	13 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng Võ Tân (đối với các công trình các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đồng Phú, TX Phước Long, Chơn Thành, Bù Đốp); Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng (đối với	0,5 ngày				

			các công trình các huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Bình Long, Đồng Xoài)					
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc	02 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng (Cao Tấn Tài, Nguyễn Văn Tuyên, Huỳnh Hùng, Kim Phước Lộc)	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				17 ngày				
Đối với dự án nhóm C.								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	có	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyên trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp	Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Võ Tân (đối với các công trình các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đồng Phú, TX Phước Long, Chơn Thành, Bù Đốp); Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng (đối với các công trình các	0,5 ngày				

			huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Bình Long, Đồng Xoài)				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý năng lượng (Cao Tấn Tài, Nguyễn Văn Tuyên, Huỳnh Hùng, Kim Phước Lộc)	08 ngày			
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng Võ Tân (đối với các công trình các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đồng Phú, TX Phước Long, Chơn Thành, Bù Đốp);Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng (đối với các công trình các huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Bình Long, Đồng Xoài)	0,5 ngày			
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc	01 ngày			
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng (Cao Tấn Tài, Nguyễn Văn Tuyên,	0,5 ngày			

			Huỳnh Hùng, Kim Phước Lộc)					
Tổng thời gian giải quyết			11 ngày					
124. Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp. Thời gian giải quyết 14 ngày .Mã số TTHC:DVC : Mức 4								
Đối với dự án nhóm B.								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	có	không		
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Võ Tân (đối với các công trình các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đồng Phú, TX Phước Long, Chơn Thành, Bù Đốp);Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng (đối với các công trình các huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Bình Long, Đồng Xoài)	0,5 ngày			Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyên đến Công chức phòng Quản lý Công nghiệp tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý Công nghiệp chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp	Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng (Cao Tấn Tài, Nguyễn Văn Tuyên, Huỳnh Hùng, Kim Phước Lộc)	13 ngày				

4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng Võ Tân (đối với các công trình các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đồng Phú, TX Phước Long, Chơn Thành, Bù Đốp); Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng (đối với các công trình các huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Bình Long, Đồng Xoài)	0,5 ngày				thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc	02 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng (Cao Tấn Tài, Nguyễn Văn Tuyên, Huỳnh Hùng, Kim Phước Lộc)	0,5 ngày				
7	Tổng thời gian giải quyết			17 ngày				
Đối với dự án nhóm C.								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	có	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý năng	Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Võ Tân (đối với các công trình các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng,	0,5 ngày				

			Đông Phú, TX Phước Long, Chơn Thành, Bù Đốp); Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng (đối với các công trình các huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Bình Long, Đông Xoài)				lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý năng lượng trình Trưởng hoặc Phó Trưởng phòng xem xét và trình Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.	ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở và Thông tư 210/2016 /TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ tài chính
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng (Cao Tân Tài, Nguyễn Văn Tuyên, Huỳnh Hùng, Kim Phước Lộc)	08 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LD Sở	Trưởng phòng Võ Tân (đối với các công trình các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đông Phú, TX Phước Long, Chơn Thành, Bù Đốp); Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng (đối với các công trình các huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Bình Long, Đông Xoài)	0,5 ngày				

5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc	01 ngày					quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng (Cao Tấn Tài, Nguyễn Văn Tuyên, Huỳnh Hùng, Kim Phước Lộc)	0,5 ngày					
7	Tổng thời gian giải quyết			11 ngày					
125. Thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp .Mã số TTHC.DVC: Mức 4									
Đối với công trình cấp II, cấp III.									
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	có	không	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý năng lượng trình Trưởng hoặc Phó Trưởng phòng xem xét và trình Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận	Thông tư 210/2016 /TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử	
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Võ Tân (đối với các công trình các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đồng Phú, TX Phước Long, Chơn Thành, Bù Đốp); Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng (đối với các	0,5 ngày					

			công trình các huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Bình Long, Đồng Xoài)				trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp	dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng (Cao Tấn Tài, Nguyễn Văn Tuyên, Huỳnh Hùng, Kim Phước Lộc)	17 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng Võ Tân (đối với các công trình các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đồng Phú, TX Phước Long, Chơn Thành, Bù Đốp); Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng (đối với các công trình các huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Bình Long, Đồng Xoài)	0,5 ngày				
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc	02 ngày				

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng (Cao Tấn Tài, Nguyễn Văn Tuyên, Huỳnh Hùng, Kim Phước Lộc)	0,5 ngày				
7	Tổng thời gian giải quyết			21 ngày				
Đối với công trình cấp IV.								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận tại (TTPVHCC)	0,5 ngày	có	không		
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Võ Tân (đối với các công trình các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đồng Phú, TX Phước Long, Chơn Thành, Bù Đốp); Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng (đối với các công trình các huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Bình Long, Đồng Xoài)	0,5 ngày			Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng Quản lý năng lượng tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng Quản lý năng lượng trình Trưởng hoặc Phó Trưởng phòng xem xét và trình Giám đốc Sở ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng Quản lý năng lượng chuyển trả KQ đến bộ phận trả KQ của TTPVHCC tỉnh để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp	Thông tư 210/2016 /TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Quản lý Công nghiệp (Cao Tấn Tài, Nguyễn Văn Tuyên, Huỳnh	11 ngày				

			Hùng)			
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ Sở	Trưởng phòng Võ Tân (đối với các công trình các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đồng Phú, TX Phước Long, Chơn Thành, Bù Đốp); Trưởng phòng (hoặc PTP) Quản lý Năng lượng (đối với các công trình các huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Bình Long, Đồng Xoài)	0,5 ngày		
5	Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt	Giám đốc	01 ngày		
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ	Công chức phòng Quản lý Năng lượng (Cao Tấn Tài, Nguyễn Văn Tuyên, Huỳnh Hùng, Kim Phước Lộc)	0,5 ngày		
7	Tổng thời gian giải quyết			14 ngày		
B. CHUẨN HÓA QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN						
I. Lĩnh vực kinh doanh Khí (Mức DVC 3)						
1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mức DVC 3)						

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến bộ phận chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các thị xã, TP: + Đối với DN: 1.200.000 đồng; + Đối với Hộ KD: 400.000 đồng - Tại các huyện: + Đối với DN: 600.000 đồng; + Đối với Hộ KD: 200.000 đồng
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng	07 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ UBND huyện	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND UBND huyện	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				
2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mức DVC 3)								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến bộ phận chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng	02 ngày				

4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ UBND huyện	Trưởng phòng Kinh tế hoặc Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng	01 ngày			đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	
5	Bước 5	Trình UBND huyện ký duyệt	Lãnh đạo UBND UBND huyện	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện	Công chức phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
3. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mức DVC 3)								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến bộ phận chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng	02 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ UBND huyện	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	01 ngày				
5	Bước 5	Trình UBND huyện ký duyệt	Lãnh đạo UBND UBND huyện	01 ngày				

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện	Công chức phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
II. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước								
4. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mức DVC 3)								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Phòng chuyên môn cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	1.100.000 đồng
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	05 ngày				
4	Bước 4	Trình Trưởng phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				
5. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mức DVC 3)								

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Phòng chuyên môn cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	1.100.000 đồng
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	05 ngày				
4	Bước 4	Trình Trưởng phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	0,5 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				07 ngày				
6. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mức DVC 3)								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Phòng chuyên môn cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi	1.100.000 đồng

2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng							
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	05 ngày						
4	Bước 4	Trình Trưởng phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày						
5	Bước 5	Phê duyệt	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	0,5 ngày						
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày						
Tổng thời gian giải quyết				07 ngày						
7. Cấp Giấy phép bán lẻ rượu (Mức DVC 3)										
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Phòng chuyên môn cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương cấp huyện	0,5 ngày						
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng		không	không				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	07 ngày						
								tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.		
								Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn	Tại thị xã, TP: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm	

4	Bước 4	Trình Trưởng phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	01 ngày			thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	m kinh doanh/lần thẩm định.
5	Bước 5	Phê duyệt	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				
8. Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu (Mức DVC 3)								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Phòng chuyên môn cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	02 ngày				
4	Bước 4	Trình Trưởng phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	01 ngày				

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
9. Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu (Mức DVC 3)								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Phòng chuyên môn cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	02 ngày				
4	Bước 4	Trình Trưởng phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				05 ngày				
10. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Mức DVC 3)								

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Phòng chuyên môn cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	- Tại thị xã, TP: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	07 ngày				
4	Bước 4	Trình Trưởng phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				10 ngày				
11. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Mức DVC 3)								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Phòng chuyên môn cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế					

			và Hạ tầng				Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	04 ngày				
4	Bước 4	Trình Trưởng phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	01 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				07 ngày				
12. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Mức DVC 3)								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Phòng chuyên môn cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	04 ngày				
4	Bước 4	Trình Trưởng phòng Phòng	Công chức Phòng KT, KTHT cấp	01 ngày				

		KT, KTHT cấp huyện	huyện				một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	
5	Bước 5	Phê duyệt	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	01 ngày				
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				07 ngày				
III. Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện cấp huyện (Mức DVC 3)								
13. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện (Mức DVC 3). Thời gian giải quyết 20 ngày làm việc								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Phòng chuyên môn cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận tiếp nhận và trả KQ cấp huyện để trả Kq cho tổ chức, cá nhân.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	08 ngày				
4	Bước 4	Trình Trưởng phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày				
5	Bước 5	Phê duyệt	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	04 ngày				

6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày					
7	Tổng thời gian giải quyết			14 ngày					
14. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện (Mức DVC 3). Thời gian giải quyết 20 ngày làm việc									Không
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Phòng chuyên môn cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận ngành Công Thương cấp huyện	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận tiếp nhận và trả KQ cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.		
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	0,5 ngày					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	08 ngày					
4	Bước 4	Trình Trưởng phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày					
5	Bước 5	Phê duyệt	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	04 ngày					
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày					
7	Tổng thời gian giải quyết			14 ngày					
IV. Lĩnh vực xây dựng cơ bản (Mức DVC 3)									

15. Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp (Mức DVC 3. Thời gian giải quyết 14 ngày)							
Đối với dự án nhóm B							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng	Bộ phận tiếp nhận UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	0,5 ngày	không	không	Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BCT ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở và Thông tư 210/2016/TT-BCT ngày 10/11/2016 của phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	0,5 ngày			
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	14 ngày			
4	Bước 4	Xem xét và trình Trưởng phòng	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	1,5 ngày			
5	Bước 5	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ-UBND huyện, thị xã, thành phố	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày			
6	Tổng thời gian giải quyết			17 ngày			

									dự toán xây dựng.
Đối với dự án nhóm C.									
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng	Bộ phận tiếp nhận UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận một cửa cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.		Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BCT ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, phê duyệt thiết kế cơ sở và Thông tư 210/2016/TT-BCT ngày 10/11/2016 phê duyệt thiết kế kỹ thuật, phê duyệt
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	0,5 ngày					
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	7,5 ngày					
4	Bước 4	Xem xét và trình Trưởng phòng	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	01 ngày					
5	Bước 5	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ-UBND huyện, thị xã, thành phố	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày					
6	Tổng thời gian giải quyết			10 ngày					

										dự toán xây dựng.
V. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương (Mức DVC 3)										
16. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện (Mức DVC 3)										
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Phòng chuyên môn cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	0,5 ngày	có	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND huyện/thị xã/thành phố sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn giải quyết, Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức phòng KT, KTHT tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức phòng KT, KTHT trình Trưởng phòng xem xét và Trưởng phòng trình Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức phòng KT, KTHT chuyển trả KQ đến bộ phận tiếp nhận và trả KQ cấp huyện để trả KQ cho tổ chức, cá nhân.	Không		
2	Bước 2	Phân xử lý	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng							
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức phòng Phòng KT, KTHT cấp huyện	15 ngày						
4	Bước 4	Xem xét và trình Chủ tịch UBND	Trưởng phòng Kinh tế hoặc PTP Kinh tế và Hạ tầng	03 ngày						
5	Bước 5	Phê duyệt	Chủ tịch UBND cấp huyện	01 ngày						
6	Bước 6	Chuyển KQ đến bộ phận trả KQ cấp huyện	Công chức Phòng KT, KTHT cấp huyện	0,5 ngày						
Tổng thời gian giải quyết				20 ngày						
C. CHUẨN HÓA QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (Mức DVC 2)										
I. Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện cấp xã (Mức DVC 2)										
1. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mức DVC 2).										

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận UBND cấp xã	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND xã sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ lãnh đạo UBND xã sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức cấp xã tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức cấp xã trình Lãnh đạo UBND xã ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức cấp xã chuyển trả KQ để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức cấp xã	13 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ UBND xã	Công chức cấp xã	0,5 ngày				
5	Bước 5	Trình UBND xã ký duyệt	Lãnh đạo UBND xã	05 ngày				
6	Bước 6	Chuyển kết quả trả	Công chức cấp xã	13 ngày				
Tổng thời gian giải quyết				14 ngày				

2. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mức DVC 2).

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận UBND cấp xã	0,5 ngày	không	không	Bộ phận tiếp nhận và trả KQ của UBND xã sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ lãnh đạo UBND xã sau khi tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển đến Công chức cấp xã tham mưu xử lý. Sau khi thẩm định hồ sơ, Công chức cấp xã trình Lãnh đạo UBND xã ký duyệt; Sau khi văn thư ban hành văn bản, Công chức cấp xã chuyển trả KQ đến bộ phận tiếp nhận và trả KQ của huyện để trả KQ cho tổ chức, doanh nghiệp.	Không
2	Bước 2	Phân xử lý	Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày				
3	Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức cấp xã	09 ngày				
4	Bước 4	Xem xét và trình LĐ UBND cấp xã	Công chức cấp xã	0,5 ngày				
5	Bước 5	Trình UBND xã ký duyệt	Lãnh đạo UBND xã	03 ngày				

6	Bước 6	Chuyên kết quả trả	Công chức cấp xã	0,5 ngày				
7	Tổng thời gian giải quyết			14 ngày				